

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/KDTM-ST
Ngày: 22-10-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2020/TLST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2020/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2020/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH

Địa chỉ trụ sở chính: đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Trang Thụy Thanh X**, sinh năm: 1976. Địa chỉ: D15/10C đường Thế Lữ, ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 1578/UQ-PCBC ngày 19/5/2020). (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn P

Địa chỉ trụ sở chính: đường A, phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trương Trung T**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: đường Y phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2020; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2020; các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH có bà Trang Thụy Thanh là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/9/2018, Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH có đại diện là Chi nhánh Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Đ Bình Chánh có ký Hợp đồng mua bán điện số 18/004738 (mã khách hàng: PE15000343872) với Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P do ông Trương Trung T là đại diện ký hợp đồng mua bán điện tại địa chỉ F2/68D đường An Phú Tây – Hưng Long, ấp 6 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình sử dụng điện từ ngày 25/5/2019 đến 11/7/2019, Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P nợ tiền điện là 84.201.018 đồng, đã thanh toán 39.999.626 đồng, còn nợ tiền điện là 44.201.392 đồng (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một ngàn, ba trăm chín mươi hai đồng), cụ thể như sau:

- Giấy báo tiền điện từ ngày 25/5/2019 đến ngày 11/6/2019: 49.148.657 đồng.
- Giấy báo tiền điện từ ngày 12/6/2019 đến ngày 24/6/2019: 35.024.319 đồng.
- Giấy báo tiền điện từ ngày 25/6/2019 đến ngày 11/7/2019: 28.042 đồng.

Tổng cộng nợ tiền điện là: 84.201.018 đồng.

Từ ngày 25/10/2019 đến ngày 29/10/2019, Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P đã thanh toán các khoản gồm: nợ tiền điện, phí cắt điện và lãi suất chậm trả tổng cộng là 30.000.000 đồng, trong đó tiền điện là 29.999.626 đồng. Vào ngày 11/11/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn P gửi biên bản xác nhận về việc thanh toán công nợ tiền điện chia làm 02 đợt do ông Trương Trung T ký tên và đóng dấu, nội dung cụ thể như sau:

- Đợt 1: trong tuần 23/11/2019 – 30/11/2019: thanh toán 20.000.000 đồng.
- Đợt 2: trong tuần 24/12/2019 – 31/12/2019: thanh toán 34.682.921 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn P đảm bảo là thực hiện theo đúng cam kết thanh toán công nợ cho Công ty Đ Bình Chánh theo biên bản xác nhận nêu trên và cam kết nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn P không thực hiện đúng như cam kết này thì Công ty trách nhiệm hữu hạn P sẽ chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

Nhằm tạo điều kiện để Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH và Công ty trách nhiệm hữu hạn P theo dõi được nợ tiền điện còn tồn khi Công ty trách nhiệm hữu hạn P thực hiện đúng cam kết thanh toán ngày 11/11/2019 cho nên Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH đã điều chỉnh hóa đơn theo số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn P đã thanh toán và theo số tiền mà Công ty trách nhiệm hữu hạn P cam kết sẽ thanh toán, cụ thể như sau:

1. Hóa đơn tiền điện kỳ 1: từ ngày 25/5/2019 đến ngày 11/6/2019 (Lần 1 tháng 6/2019) với tổng số tiền thanh toán là 49.148.657 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) được điều chỉnh thành hai hóa đơn với số tiền là 29.999.626 đồng (đã xóa nợ ngày 21/11/2019) và hóa đơn với số tiền là 19.149.031 đồng

2. Hóa đơn tiền điện kỳ 2: từ ngày 12/6/2019 đến ngày 24/6/2019 (Lần 1 tháng 6/2019) với tổng số tiền thanh toán là 35.024.319 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) được điều chỉnh thành hai hóa đơn với số tiền là 19.998.484 đồng và hóa đơn với số tiền là 15.025.835 đồng.

Sau khi trừ số tiền 29.999.626 đồng mà Công ty trách nhiệm hữu hạn P đã thanh toán ngày 21/11/2019 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn P chưa thanh toán tiền điện của 04 giấy báo tiền điện như sau:

- Giấy báo tiền điện kỳ 1: Từ ngày 25/5/2019 đến ngày 11/6/2019 với tổng số tiền là 19.149.031 đồng.

- Giấy báo tiền điện kỳ 1: Từ ngày 12/6/2019 đến ngày 24/6/2019 với toongr số tiền là 19.998.484 đồng.

- Giấy báo tiền điện kỳ 1: Từ ngày 12/6/2019 đến ngày 24/6/2019 với tổng số tiền là 15.025.835 đồng.

- Giấy báo tiền điện kỳ 1: Từ ngày 25/6/2019 đến ngày 11/7/2019 với tổng số tiền là 28.042 đồng.

Tổng cộng: 54.201.392 đồng (Năm mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng).

Tuy nhiên, từ ngày 18/02/2020 đến ngày 10/3/2020 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn P đã thanh toán thêm cho Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hiện tại đang treo dư trên tài khoản chuyên thu của Công ty Đ Bình Chánh. Do đó, tính đến hiện tại thì tổng số tiền điện Công ty trách nhiệm hữu hạn P chưa thanh toán cho Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH là 44.201.392 đồng (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng).

Căn cứ điểm 4 Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện đã ký kết thì Công ty trách nhiệm hữu hạn P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định. Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH có đại diện là Chi nhánh Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Đ Bình Chánh đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ tiền điện và đã thực hiện tạm ngưng cung cấp điện tại địa chỉ sử dụng điện nhưng đến nay Công ty trách nhiệm hữu hạn P vẫn không thanh toán số tiền 44.201.392 đồng cho Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH. Do đó, Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải thanh toán cho Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền điện còn nợ là 44.201.392 đồng (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng), yêu cầu trả ngay một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P có ông Trương Trung T là đại diện theo pháp luật của Công ty, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy

triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại các buổi hòa giải và các phiên tòa, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán điện đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn P về việc yêu cầu thanh toán tiền điện sử dụng vào mục đích ép nhựa nên đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện, số hợp đồng: 18/004738 ký kết ngày 25/9/2018 giữa bên bán điện: Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH và bên mua điện: Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P. Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 0313171613-002, đăng ký lần đầu ngày 30/01/2018 thì Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P có địa chỉ F2/68D An Phú Tây – Hưng Long, ấp 6, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì đây là tranh chấp phát sinh từ hoạt động chi nhánh và chi nhánh công ty có địa chỉ tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách đương sự: Ngày 25/9/2018 Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P ký hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH. Căn cứ vào khoản 6 Điều 84 của Bộ luật dân sự 2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn P là pháp nhân có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao do chi nhánh xác lập nên bị đơn trong vụ án được xác định là Công ty trách nhiệm hữu hạn P. Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 0313171613, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/6/2018 thì ông Trương Trung T là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

[4] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng mua bán điện giữa các đương sự được ký kết vào ngày 25/9/2018 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ

luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 và Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) để giải quyết vụ án.

[5] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P có ông Trương Trung T là đại diện theo pháp luật của công ty đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về hình thức của hợp đồng: Ngày 25/9/2018 Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH có đại diện là Chi nhánh Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Đ Bình Chánh có ký hợp đồng mua bán điện số hợp đồng: 18/004738, mã khách hàng PE15000343872 với Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P. Hợp đồng này được người đại diện hợp pháp của hai bên giao kết, có đóng dấu của doanh nghiệp nên hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 và Điều 22 của Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012). Do đó, căn cứ Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng này có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết.

[7] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải thanh toán số tiền điện còn nợ là 44.201.392 đồng (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng), yêu cầu trả ngay một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu bị đơn trả lãi.

[8] Theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán điện số hợp đồng: 18/004738 ký kết ngày 25/9/2018, Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH bán điện cho Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P tại địa chỉ F2/68D đường An Phú Tây – Hưng Long, ấp 6, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn 05 năm từ ngày 26/9/2018 đến ngày 01/3/2023, nhằm mục đích ép nhựa với giá bán điện (chưa có thuế VAT) cụ thể như sau:

- Giờ bình thường: 1.572 đồng/kWh.
- Giờ cao điểm: 2.862 đồng/kWh.
- Giờ thấp điểm: 1.004 đồng/kWh.

[9] Trong quá trình sử dụng điện từ ngày 25/5/2019 đến 11/7/2019 bị đơn không thanh toán tiền điện cho nguyên đơn và phát sinh nợ tiền điện tổng cộng là 84.201.018 đồng (Tám mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn, không trăm mười tám đồng). Đến ngày 21/11/2019 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 29.999.626 đồng. Tổng số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn tính đến hết ngày 21/11/2019 là 54.201.392 đồng.

[10] Căn cứ vào Tờ trình số 1045/TTr-TNg ngày 19/11/2019, Tờ trình số 1107/TTr-TNg ngày 27/11/2019 của Chi nhánh Tổng công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Đ Bình Chánh và lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì để nhằm giảm tồn nợ khó đòi và dễ dàng theo dõi, đơn đốc bị đơn thanh toán tiền điện và đồng thời căn cứ vào cam kết thanh toán tiền điện tại biên bản xác nhận

thanh toán công nợ do bị đơn lập ngày 11/11/2019 cho nên nguyên đơn đã tiến hành hủy bỏ và lập lại hóa đơn tiền điện, cụ thể như sau:

1. Hóa đơn tiền điện lần 1 tháng 6/2019, kỳ 1: Từ ngày 25/5/2019 đến ngày 11/6/2019 với tổng số tiền thanh toán là 49.148.657 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) được hủy bỏ và lập thành hai hóa đơn:

- Giấy báo tiền điện lần 1 tháng 11/2019, kỳ 1: Từ ngày 25/5/2019 đến ngày 11/6/2019 với số tiền là 29.999.626 đồng. Số tiền điện này bị đơn đã thanh toán và đã xóa nợ ngày 21/11/2019.

- Giấy báo tiền điện lần 1 tháng 11/2019, kỳ 1: Từ ngày 25/5/2019 đến ngày 11/6/2019 với số tiền là 19.149.031 đồng.

2. Hóa đơn tiền điện lần 1 tháng 6/2019, kỳ 2: Từ ngày 12/6/2019 đến ngày 24/6/2019 với tổng số tiền thanh toán là 35.024.319 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) được hủy bỏ và lập thành hai hóa đơn:

- Giấy báo tiền điện lần 1 tháng 11/2019, kỳ 1: Từ ngày 12/6/2019 đến ngày 24/6/2019 với số tiền là 19.998.484 đồng.

- Giấy báo tiền điện lần 1 tháng 11/2019, kỳ 1: Từ ngày 12/6/2019 đến ngày 24/6/2019 với số tiền là 15.025.835 đồng.

3. Đối với hóa đơn tiền điện lần 1 tháng 7/2019, kỳ 1: Từ ngày 25/6/2019 đến ngày 11/7/2019 với tổng số tiền thanh toán là 28.042 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) thì vẫn giữ nguyên.

[11] Đại diện nguyên đơn trình bày tính đến thời điểm hiện tại, bị đơn còn nợ tiền điện theo các giấy báo tiền điện như sau:

[12] Giấy báo tiền điện lần 1 tháng 11/2019, kỳ 1: Từ ngày 25/5/2019 đến ngày 11/6/2019 đối với khách hàng là Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P, mã khách hàng: PE15000343872 với tổng mức điện năng tiêu thụ là 9.638 KW, thành tiền là 19.149.031 đồng (Mười chín triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm ba mươi một đồng) đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.

[13] Giấy báo tiền điện lần 1 tháng 11/2019, kỳ 1: Từ ngày 12/6/2019 đến ngày 24/6/2019 đối với khách hàng là Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P, mã khách hàng: PE15000343872 với tổng mức điện năng tiêu thụ là 7.767 KW, thành tiền là 15.025.835 đồng (Mười lăm triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi lăm đồng) đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.

[14] Giấy báo tiền điện lần 1 tháng 11/2019, kỳ 1: Từ ngày 12/6/2019 đến ngày 24/6/2019 đối với khách hàng là Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P, mã khách hàng: PE15000343872 với tổng mức điện năng tiêu thụ là 9.502 KW, thành tiền là 19.998.484 đồng (Mười chín triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng) đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.

[15] Giấy báo tiền điện lần 1 tháng 7/2019, kỳ 1: Từ ngày 25/6/2019 đến ngày 11/7/2019 đối với khách hàng là Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn P, mã khách hàng: PE15000343872 với tổng mức điện năng tiêu thụ là 13 KW, thành tiền là 28.042 đồng (Hai mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng) đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.

[16] Tổng cộng tiền điện là 54.201.392 đồng (Năm mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng).

[17] Tuy nhiên, từ ngày 18/02/2020 đến ngày 10/3/2020 thì bị đơn đã thanh toán thêm cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Do đó, tính đến thời điểm hiện tại thì số tiền điện bị đơn còn nợ chưa thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 44.201.392 đồng (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng).

[18] Tại khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện có quy định thời hạn thanh toán là 07 ngày kể từ ngày nguyên đơn thông báo thanh toán lần đầu cho bị đơn.

[19] Tại Biên bản xác nhận về việc thanh toán công nợ tiền điện do bị đơn lập ngày 11/11/2019 (bút lục 60), bị đơn xác nhận còn nợ tiền điện, phí cắt điện, lãi chậm trả tổng cộng là 54.682.921 đồng và cam kết đến ngày 31/12/2019 sẽ thanh toán dứt điểm công nợ cho nguyên đơn. Bên cạnh đó, nguyên đơn cũng đã nhắc nợ nhiều lần nhưng đến nay bị đơn vẫn không thanh toán tiền điện đầy đủ và đúng thời hạn cho nguyên đơn như bị đơn đã cam kết.

[20] Căn cứ vào khoản 12 Điều 3, Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 23 và điểm a khoản 2 Điều 46 của Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012), Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn P có ông Trương Trung T là đại diện theo pháp luật của công ty đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ của bên mua điện. Cho nên, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và kéo dài thời gian thanh toán làm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm.

[21] Vì vậy, Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH yêu cầu Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải thanh toán cho Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền điện còn nợ tổng cộng là 44.201.392 đồng (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng), yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[22] Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P có ông Trương Trung T là đại diện theo pháp luật của công ty đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Công ty trách nhiệm hữu hạn P có ông Trương Trung T là đại diện theo pháp luật của công ty đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình đồng thời phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[23] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả lãi. Xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[24] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH là phù hợp với quy định pháp luật và có cơ sở chấp nhận. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn P có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền là

44.201.392 đồng (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[25] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải chịu án phí là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 50, Điều 55, khoản 5 Điều 297, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 22, 23, 46 của Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012);

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH.

1.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn P có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền 44.201.392 đồng (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng); trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Tổng Công ty Đ Thành phố Hồ Chí Minh TNHH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0078743 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền